

Số: 2331 /STC-NST

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2019

v/v công khai ngân sách

Quý II năm 2019

Kính gửi: Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách; Công văn số 4395/UBND-KT ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh (Trong đó: giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An để công khai số liệu ngân sách theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước).

Để đảm bảo công khai ngân sách địa phương đúng thời hạn quy định, Sở Tài chính kính đề nghị Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An đăng tải Tình hình thực hiện dự toán NSDP 6 tháng năm 2019 trên chuyên mục CÔNG KHAI NGÂN SÁCH.

(Có Báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng năm 2019 của Sở Tài chính kèm theo) .

Mọi thông tin liên quan xin vui lòng liên hệ qua số điện thoại: 0985.084.888 (đ/c Hiệp - Phòng Ngân sách tỉnh).

Sở Tài chính rất mong nhận được sự phối hợp của Quý đơn vị ./././

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NST.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Việt Dũng

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2019

THUYẾT MINH
Tình hình thực hiện
dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2019
(Tài liệu công khai NSNN)

1. Thu ngân sách nhà nước

Dự toán HĐND tỉnh giao 13.498 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng năm 2019 thực hiện 7.334 tỷ đồng, đạt 54,3% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

a) Thu nội địa: 6.499 tỷ đồng, đạt 55,1% dự toán và tăng 23% so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể như sau:

- Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý: 361 tỷ đồng, đạt 53,6% dự toán, tăng 15,7% so với cùng kỳ.

- Thu từ doanh nghiệp địa phương quản lý: 62,6 tỷ đồng, đạt 50,1% dự toán, bằng 100,2% so với cùng kỳ.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 116,9 tỷ đồng, đạt 45% dự toán, bằng 92,8% so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực CTN-DV ngoài quốc doanh: 2.264,9 tỷ đồng, đạt 50,4% dự toán, tăng 17,7% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân: 324 tỷ đồng, đạt 64,2% dự toán, tăng 7,3% so với cùng kỳ.

- Thuế bảo vệ môi trường: 807 tỷ đồng, đạt 50,1% dự toán, tăng 66,5% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 172 tỷ đồng, đạt 107,8% dự toán, tăng 76,9% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu có tính chất phí, lệ phí: Lệ phí trước bạ 460 tỷ đồng, đạt 62,2% dự toán, tăng 34,7% so với cùng kỳ; Phí, lệ phí 141,6 tỷ đồng, đạt 55,6% dự toán, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu từ đất: Thu tiền sử dụng đất 1.437,8 tỷ đồng, đạt 60,9% dự toán, tăng 21,7% so với cùng kỳ; Thu tiền thuê đất 152,5 tỷ đồng, đạt 63,5% dự toán, tăng 34,8% so với cùng kỳ.

- Thu xổ số kiến thiết: 11 tỷ đồng, đạt 39,3% dự toán, bằng 78,7% so với cùng kỳ.

b) Thu từ hoạt động XNK: thực hiện 835 tỷ đồng, đạt 49,1% dự toán và bằng 101,6% so với cùng kỳ năm 2018.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

2. Chi ngân sách.

2.1. Chi ngân sách địa phương.

Dự toán HĐND tỉnh giao: 24.341,1 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương 6 tháng năm 2019 thực hiện 12.199 tỷ đồng, đạt 50,1% dự toán HĐND tỉnh giao.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

a) Chi đầu tư phát triển: 3.210,8 tỷ đồng, đạt 61,8% dự toán. Ngay những tháng đầu năm 2019 chủ yếu tập trung giải ngân vốn XDCB năm 2018 chuyển qua. Trên cơ sở các Quyết định phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2019, ngành tài chính đã tập trung nhập vào hệ thống Tabmis để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có thể thanh toán vốn ngay từ đầu năm. Đối với các công trình khởi công mới, đơn đốc các chủ đầu tư hoàn thiện các hồ sơ có liên quan, các cơ sở pháp lý liên quan đến giải ngân vốn theo quy định.

b) Chi thường xuyên: 8.865,9 tỷ đồng, đạt 47,3% dự toán.

Chi thường xuyên 6 tháng năm 2019 chủ yếu tập trung chi lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí hoạt động có tính chất thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, các sự nghiệp; đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các cơ chế chính sách do trung ương và địa phương ban hành như: mua thẻ BHYT; bảo trợ xã hội; các chính sách về giáo dục như học bổng, hỗ trợ miễn giảm học phí và chi phí học tập, hỗ trợ trẻ ăn trưa 3-5 tuổi, chính sách ưu tiên đối với học sinh dân tộc ít người, người khuyết tật; tiền điện hộ nghèo;

c) Chi dự phòng ngân sách địa phương: thực hiện 122 tỷ đồng, đạt 30% dự toán. Chủ yếu chi cho các nội dung, như: hỗ trợ phòng chống dịch tả lợn Châu Phi, hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, giống thủy sản để khôi phục sản xuất do thiên tai; hỗ trợ lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển và sửa chữa các công trình ách yếu; Kinh phí di dời dân khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở,... Chi dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo tiết kiệm, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.2. Chi trả nợ gốc.

Thực hiện 371,875 tỷ đồng, trong đó: Kinh phí trả nợ vốn tạm ứng KBNN: 150 tỷ đồng; Kinh phí trả vay nợ kiên cố hóa kênh mương: 181,875 tỷ đồng; Kinh phí trả nợ tiền mua và vận chuyển xi măng xây dựng nông thôn mới: 40 tỷ đồng.

SỞ TÀI CHÍNH NGHỆ AN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH TH VỚI DT NĂM (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.498.000	7.334.282	54,3%
I	Thu cân đối NSNN	13.498.000	7.334.282	54,3%
1	Thu nội địa	11.798.000	6.499.208	55,1%
2	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.700.000	835.074	49,1%
3	Thu viện trợ			-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI NSDP	24.344.151	12.199.070	50,1%
I	Chi cân đối NSDP	24.344.151	12.199.070	50,1%
1	Chi đầu tư phát triển	5.193.307	3.210.800	61,8%
2	Chi thường xuyên	18.740.072	8.865.964	47,3%
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.890	0	0,0%
4	Dự phòng ngân sách	407.882	122.306	30,0%
C	BỘI THU NSDP	424.600	221.875	52,3%
D	Chi trả nợ gốc	716.900	371.875	51,9%

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2019

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HỖND TỈNH GIAO	TH 6 THÁNG	SO SÁNH	
				TH/DT HỖND TỈNH GIAO	TH VỚI CÙNG KỶ 2018
1	2	3	5	6=5/3	7
	Tổng thu NSNN trên địa bàn (I+II)	13.498.000	7.334.282	54,3%	120,1%
I	Thu nội địa (thu từ SXKD trong nước)	11.798.000	6.499.208	55,1%	123,0%
	<i>Thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất</i>	<i>9.410.000</i>	<i>5.061.408</i>	<i>53,8%</i>	<i>123,4%</i>
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý	675.000	361.667	53,6%	115,7%
2	Thu từ doanh nghiệp Địa phương quản lý	125.000	62.624	50,1%	100,2%
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	260.000	116.964	45,0%	92,8%
4	Thu từ khu vực CTN-DV ngoài quốc doanh	4.490.000	2.264.980	50,4%	117,7%
5	Lệ phí trước bạ	740.000	460.474	62,2%	134,7%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	26.197	65,5%	103,8%
7	Thuế thu nhập cá nhân	505.000	324.219	64,2%	107,3%
8	Thuế bảo vệ môi trường	1.610.000	807.152	50,1%	166,5%
9	Thu phí và lệ phí	255.000	141.695	55,6%	110,9%
10	Thu tiền sử dụng đất	2.360.000	1.437.800	60,9%	121,7%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	240.000	152.511	63,5%	134,8%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	160.000	172.436	107,8%	176,9%
13	Thu khác ngân sách	270.000	142.862	52,9%	93,0%
14	Thu hoa lợi công sản và quỹ đất công ích	40.000	16.620	41,6%	95,8%
15	Thu Xổ số kiến thiết	28.000	11.007	39,3%	78,7%
II	Thu từ hoạt động XNK	1.700.000	835.074	49,1%	101,6%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DT HĐND TỈNH GIAO	TH 6 THÁNG	TỶ LỆ % TH/DT
1	2	3	4	5=4/3
A	Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV)	24.344.151	12.199.070	50,1%
I	Chi đầu tư phát triển	5.193.307	3.210.800	61,8%
II	Chi thường xuyên	18.740.072	8.865.964	47,3%
1	Chi sự nghiệp môi trường	166.765	61.364	36,8%
2	Chi sự nghiệp kinh tế	1.873.660	837.673	44,7%
3	Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	8.046.111	3.980.204	49,5%
4	Chi sự nghiệp Y tế	2.109.457	950.398	45,1%
5	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	47.204	23.429	49,6%
6	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin-thể dục thể thao	303.655	145.262	47,8%
7	Chi các ngày lễ lớn	10.000	6.170	61,7%
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	45.351	23.914	52,7%
9	Chi bảo đảm xã hội	1.158.632	590.945	51,0%
10	Chi quản lý hành chính	3.408.653	1.748.048	51,3%
11	Chi an ninh quốc phòng địa phương	364.966	185.281	50,8%
12	Chi thi đua khen thưởng	40.000	14.830	37,1%
13	Chi khác ngân sách	196.702	40.276	20,5%
14	Kinh phí trang bị phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin	30.000	15.220	50,7%
15	Vốn nước ngoài, Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ khác	372.120	135.350	36,4%
16	Chi hỗ trợ các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; đảm bảo an toàn giao thông	65.732	37.600	57,2%
17	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành	25.000	25.000	100,0%
18	Các CTMT Quốc gia (vốn SN)	476.065	45.000	9,5%
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.890		0,0%
IV	Chi Dự phòng NSDP	407.882	122.306	30,0%
B	Bội thu NSDP	424.600	221.875	52,3%
C	Chi trả nợ gốc	716.900	371.875	51,9%